

Số: 1540/QĐ-ĐHNT

Khánh Hoà, ngày 26 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học và Trường khoa Cơ khí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ đại học ngành:

- Công nghệ Chế tạo máy (Mã số: 7510202)
- Kỹ thuật Cơ khí (Mã số: 7520103)
- Kỹ thuật cơ điện tử (Mã số: 7520114)
- Kỹ thuật nhiệt (Mã số: 7520115)

Điều 2. Giao khoa Cơ khí quản lý chương trình đào tạo này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng khoa Cơ khí và các ông/bà Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, ĐTDH.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 1540/QĐ-ĐHNT, ngày 26 tháng 12 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Tên chương trình đào tạo

Tiếng Việt: **Kỹ thuật Cơ khí**

Tiếng Anh: **Mechanical Engineering**

I.2. Tên ngành: Kỹ thuật Cơ khí

Mã số: 7520103

I.3. Trình độ đào tạo: Đại học

I.4. Hình thức đào tạo: Chính quy.

I.5. Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

I.6. Thời gian đào tạo: 4 năm

I.7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 158 tín chỉ (bao gồm cả kiến thức giáo dục thể chất và quốc phòng)

I.8. Khoa/viện quản lý: Cơ khí

I.9. Giới thiệu về chương trình:

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí được thiết kế theo cách tiếp cận mục tiêu và phát triển. Chương trình đào tạo giúp cho người học am hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, toán và khoa học tự nhiên; các kiến thức chuyên ngành phục vụ thiết kế, cải tiến, quản lý, bảo dưỡng, vận hành máy và thiết bị công nghiệp nói chung và hệ thống cơ khí phục vụ ngành thủy sản nói riêng. Ngoài ra, chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Cơ khí còn rèn luyện người học các kỹ năng mềm và các kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, phát triển kinh nghiệm, tư duy logic, năng lực sáng tạo và khả năng hiểu biết để đáp ứng và thích nghi với những đòi hỏi của nghề nghiệp không ngừng thay đổi.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

II. 1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Cơ khí cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ liên tục phát triển nhân cách, phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, tri thức, các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp; giúp họ không

ngừng phát triển năng lực bản thân, có khả năng ứng dụng một cách sáng tạo các tri thức nghề nghiệp vào các hoạt động sản xuất phục vụ cơ khí hóa và công nghiệp hóa đất nước trong đó có ngành cơ khí thủy sản.

II.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo đại học Kỹ thuật Cơ khí mang lại cho sinh viên sau khi tốt nghiệp các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

1. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, trung thành với Tổ quốc, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tuân thủ pháp luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và có trách nhiệm công dân.
2. Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, ý thức học tập suốt đời để nâng cao năng lực và tri thức; có ý thức và phương pháp rèn luyện nâng cao sức khỏe.
3. Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và đặc biệt là trong chuyên môn, có khả năng đọc được tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành ở mức trung bình.
4. Thành thạo tin học cơ bản để phục vụ học tập, nghiên cứu, công tác chuyên môn và giao tiếp trao đổi thông tin; có khả năng sử dụng các phần mềm tin học chuyên dụng phục vụ chuyên môn sâu.
5. Có kỹ năng mềm quan trọng như khả năng tư duy, kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, phân biện và ra quyết định; phát triển năng lực khám phá tri thức, tư duy hệ thống, giải quyết các vấn đề chuyên ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí.
6. Phát triển kỹ năng thiết kế, triển khai, vận hành, bảo dưỡng, nâng cao hiệu quả sử dụng các hệ thống trang thiết bị cơ khí đáp ứng nhu cầu xã hội trong đó có chú trọng lĩnh vực thủy sản.
7. Kiểm soát và quản lý chất lượng sản phẩm và hệ thống cơ khí; triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cơ khí

III. Chuẩn đầu ra

III.1 Nội dung chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư ngành Kỹ thuật Cơ khí đạt được kiến thức, kỹ năng và thái độ, tùy thuộc vào sự lựa chọn các học phần trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

A. Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

A1. Giữ vững lập trường chính trị và tư tưởng, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết và thực hiện các giá trị đạo đức. Có ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và lợi ích của tập thể, bảo vệ môi trường; chủ động, tự tin và dám chịu trách nhiệm trong công việc.

A2. Hiểu biết về văn hóa - xã hội và tuân thủ pháp luật; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tự giác trong vấn đề lợi ích xã hội và phục vụ cộng đồng, bảo vệ môi trường.

A3. Có ý thức học tập, rèn luyện để không ngừng nâng cao phẩm chất, năng lực và sức khỏe, bảo vệ an toàn lao động trong nghề nghiệp. Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, có trách nhiệm với công việc được giao; cầu tiến, hợp tác với các cá nhân khác trong công việc.

B. Kiến thức

B1. Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học, lý luận chính trị, đường lối quân sự; hình thành được thế giới quan và phương pháp luận khoa học để làm cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các vấn đề chuyên môn và thực tiễn; có hiểu biết cơ bản về thể dục thể thao và áp dụng phương pháp rèn luyện sức khỏe.

B2. Áp dụng các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội; bối cảnh kinh tế và môi trường kinh doanh; các kiến thức về các vấn đề đương đại, khoa học quản lý, toán và khoa học tự nhiên, ngoại ngữ để giải quyết linh hoạt các vấn đề trong cuộc sống và tiếp cận các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành công nghệ kỹ thuật cơ khí.

B3. Hiểu và áp dụng các kiến thức cốt lõi về kỹ thuật cơ khí như vật liệu học, cơ học, sức bền vật liệu, dung sai và đo lường, vẽ kỹ thuật, nguyên lý máy, cơ sở thiết kế máy, kỹ thuật nhiệt, kỹ thuật điện- điện tử giải quyết các vấn đề chuyên môn.

B4. Cải tiến và thiết kế máy-thiết bị phục vụ cơ khí hóa và công nghiệp hóa nền sản xuất nói chung và ngành thủy sản nói riêng (thiết bị nuôi trồng, thu hoạch, khai thác, chế biến và bảo quản sản phẩm thủy sản).

B5. Phân tích, lập kế hoạch bảo trì và sửa chữa máy và dây chuyền hệ thống sản xuất; kiểm tra, đánh giá và quản lý chất lượng trang thiết bị cơ khí; quản lý và điều hành hệ thống sản xuất.

B6. Thiết kế, điều khiển, phát triển và ứng dụng các hệ thống máy công nghiệp và máy tự động phục vụ sản xuất công nghiệp và thủy sản.

B7. Phân tích, lựa chọn phương pháp và thiết kế công nghệ chế tạo phục vụ sửa chữa, thay thế và cải tiến máy và thiết bị.

C. Kỹ năng

C1. Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và nâng cao trình độ, làm việc theo nhóm, giao tiếp kỹ thuật, phát hiện và giải quyết vấn đề chuyên môn.

C2. Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) và ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn

C3. Có khả năng tư duy logic, lập luận phân tích, xử lý tình huống và giải quyết vấn đề chuyên môn kỹ thuật cơ khí; khả năng thử nghiệm, nghiên cứu khám phá tri thức.

C4. Có khả năng đánh giá, thiết kế, cải tiến, vận hành, bảo trì, điều hành các hệ thống hoặc thiết bị cơ khí trong các nhà máy bằng cách sử dụng các phương pháp, công cụ và phương tiện hiện đại.

III.2 Định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư kỹ thuật cơ khí có thể làm các công việc vận hành, điều hành, quản lý, khai thác, bảo dưỡng; thiết kế chế tạo, thay thế và sửa chữa máy và thiết bị tại các công ty, nhà máy, xí nghiệp sản xuất như nhà máy chế biến nông lâm thủy sản, nhà máy đường, nhà máy bia, nhà máy cơ khí chế tạo, công ty xây lắp... hoặc trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh có liên quan đến lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cơ khí. Ngoài ra, những người học năng động sau khi tốt nghiệp có chọn con đường khởi nghiệp để làm việc cho chính mình và tạo cơ hội nghề nghiệp cho những người khác; những người tốt nghiệp khá, giỏi có thể làm việc tại các trường/viện có đào tạo và nghiên cứu về cơ khí.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

IV.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	64	40,5	52	81,3	12	18,75
1. Khoa học xã hội và nhân văn	20	12,7	14	70	6	30
2. Toán, khoa học TN và môi trường	22	14,0	18	81,8	4	18,2
3. Ngoại ngữ	8	5,0	8	100	0	0
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	14	8,8	12	85,7	2	14,3
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	94	59,5	78	83	16	17
1. Kiến thức cơ sở ngành	43	27.2	36	83.7	7	16.3
2. Kiến thức ngành	51	32.3	42	82.4	9	17.6
Cộng	158	100	127		28	

IV.2 Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành và các quy định khác trong đề án tuyển sinh của Trường.

IV.3. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang.

IV.4 Nội dung chương trình

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Phân bổ		Mã số HP tiên quyết	Phục vụ chuẩn đầu ra
			Lý thuyết	Thực hành		
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		64				
I	KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN	20				
I.1	Các học phần bắt buộc	14				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	30			A1, B1, C1
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	45			A1, B1, C1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			A1, B1, C1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45			A1, B1, C1
5	Pháp luật đại cương	2	30			A1, A2, B1, C1
6	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	15	15		A3, B1, C1, C4
I.2	Các học phần tự chọn	6				
7	Logic học đại cương	2	30			A3, B1, C1, C4
8	Tâm lý học đại cương	2	30			A1, A2, A3, B1, C1
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30			A1, A2, A3, B1, C1
10	Nhập môn hành chính nhà nước	2	30			A2, A3, B1, C1
11	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2	20	10		A2, A3, B1, C1
12	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	15	15		A2, A3, B1, C1, C4
13	Lịch sử văn minh thế giới	2	30			A1, A2, A3, B1, C1

II	TOÁN, KHOA HỌC TỰ NHIÊN, CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG	22				
II.1	Các học phần bắt buộc	18				
14	Đại số tuyến tính	2	30			A3, B2, C1, C4
15	Giải tích	3	45			A3, B2, C1, C4
16	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45			A3, B2, C1, C4
17	Tin học cơ sở	2	30			A3, B2, C1, C3, C4
18	Thực hành Tin học cơ sở	1		15		A3, B2, C1, C3, C4
19	Vật lý đại cương	3	45			A3, B2, C1, C4
20	Thực hành Vật lý đại cương	1		15		A3, B2, C1, C4
21	Hóa học đại cương	3	45			A3, B2, C1, C4
II.2	Các học phần tự chọn	4				
22	Con người và môi trường	2	30			A1, A3, B2, C1, C4
23	Biến đổi khí hậu	2	30			A1, A3, B2, C1, C4
24	Đại số và giải tích nâng cao	2	30			A3, B2, C1, C4
III	Ngoại ngữ	8				
25	Tiếng Anh A2.1	4	45	15		A2, A3, B2, C1, C4
26	Tiếng Anh A2.2	4	45	15		A2, A3, B2, C1, C4
IV	GIÁO DỤC THỂ CHẤT và QUỐC PHÒNG - AN NINH	14				
IV.1	Các học phần bắt buộc	12				
27	Điền kinh	1	5	10		A3, B1, C1
28	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng CSVN	2	45			A1, A3, B1, C1
29	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30			A1, A3, B1, C1
30	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng và sử dụng lựu đạn	5	45			A1, A3, B1, C1
31	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	2				
IV.2	Các học phần tự chọn	2				
32	Bóng đá	1	5	10		A3, B1, C1

33	Bóng chuyền	1	5	10		A3, B1, C1
34	Cầu lông	1	5	10		A3, B1, C1
35	Võ thuật	1	5	10		A3, B1, C1
36	Bơi lội	1	5	10		A3, B1, C1
B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		94				
I	KIẾN THỨC CƠ SỞ	43				
I.1	Các học phần bắt buộc	36				
37	Nhập môn kỹ thuật	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
38	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3	30	15		A3, B2, B3, C1, C4
39	Vẽ kỹ thuật cơ khí	2	15	15		A3, B2, B3, C1, C4
40	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
41	Thực hành Kỹ thuật đo	1		15		A3, B2, B3, C1, C4
42	Kỹ thuật nhiệt	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
43	Cơ lý thuyết	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
44	Sức bền vật liệu	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
45	Nguyên lý máy	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
46	Vật liệu kỹ thuật	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
47	Thí nghiệm vật liệu kỹ thuật	1		15		A3, B2, B3, C1, C4
48	Kỹ thuật điện	2		30		A3, B2, B3, C1, C4
49	Điện tử công nghiệp	2		30		A3, B2, B3, C1, C4
50	Cơ sở thiết kế máy	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
51	Đồ án Cơ sở thiết kế máy	1	15			A3, B2, B3, C1, C4

52	Thực tập cơ khí	3		45		A3, B2, B3, C1, C4
I.2	Các học phần tự chọn	7				
53	Kỹ thuật lạnh cơ sở	3	45			A3, B2, B3, C1, C4
54	Động lực học máy và kết cấu cơ khí	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
55	Kỹ thuật tribology	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
56	Thiết kế tối ưu trong cơ khí	3	45			A3, B2, B3, B4, C1, C4
57	Hệ thống cơ điện tử	2	30			A3, B2, B3, C1, C4
58	Tiếng Anh chuyên ngành cơ khí	2	30			A2, A3, B2, C1, C4
59	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			A2, A3, B1, B2, C1, C4
60	Quản lý bảo trì công nghiệp	2	30			A2, A3, B2, B5, C1, C4, C5
II	KIẾN THỨC NGÀNH	51				
II.1	Các học phần bắt buộc	32				
61	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4	60			A3, B1, B4, B7, C1, C4
62	Chế tạo phôi	3	45			A3, B1, B4, B7, C1, C4
63	Kỹ thuật thủy khí	3	45			A2, A3, B2, C1, C4
64	Máy công nghiệp	2	30			A2, A3, B2, B4, C1, C4
65	Công nghệ CAD/CAE	2	30			A2, A3, B2, B4, C1, C3, C4, C5
66	Đồ án công nghệ chế tạo máy	1		15		A3, B1, B4, B7, C1, C4
67	Máy CNC và rô bốt	2	30			A2, A3, B2, B3, B6, C1, C4
68	Thực hành CNC	1		15		A2, A3, B2, B3, B6, C1, C4
69	Kỹ thuật bảo trì thiết bị cơ khí	2	30			A2, A3, B3, C1,

						C4, C5
70	Kỹ thuật an toàn	2	30			A3, B2, C1, C4
71	Kỹ thuật giám sát và chẩn đoán trình trạng	2	30			A2, A3, B2, B5, C1, C4, C5
72	Thiết bị nuôi trồng và khai thác thủy sản	3	30			A3, B3, B4, C1, C4
73	Kinh tế học đại cương	2	30			A2, A3, B2, C1, C4
74	Thực tập tổng hợp (6 tuần)	3		45		A3, B3, B4, C1, C4
II. 2	Các học phần tự chọn	9				A3, B3, B4, C1, C4
75	Tự động hóa hệ thống thủy khí	3	45			A3, B2, B3, B6, C1, C4
76	Thiết bị bảo quản và chế biến thủy sản	3	45			A2, A3, B2, B4, C1, C4
77	Lò hơi và hệ thống cấp nhiệt	3	45			A3, B3, B4, C1, C4
78	Máy nâng chuyển	2	30			A2, A3, B2, B4, C1, C4
79	Nghiên cứu phát triển sản phẩm	2	30			A3, B3, B4, C1, C4
80	Thiết kế đảm bảo chế tạo	2	30			A3, B3, B4, C1, C4
81	Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa	2	30			A3, B3, B4, C1, C4
82	Nhập môn quản trị học	2	30			A2, A3, B2, C1, C4
83	Quản trị sản xuất	2	30			A2, A3, B2, C1, C4
84	Đảm bảo chất lượng	2	30			A3, B2, B3, B4, B6, C1, C4
85	Tự động hóa quá trình sản xuất	2	30			A3, B2, B3, B6, C1, C4
86	Đồ án máy công nghiệp	1	15			A3, B3, B4, C1, C4
87	Đồ án Thiết bị nuôi trồng và khai thác thủy sản	1	15			A3, B3, B4, C1, C4

II.3	Các học phần tốt nghiệp	10				
88	Đồ án tốt nghiệp	10				A3, B2, B3, B4, B5, B6, C1, C4, C5
89	Chuyên đề tốt nghiệp 1	5				A3, B2, B3, B4, B5, B6, C1, C4, C5
90	Chuyên đề tốt nghiệp 2	5				A3, B2, B3, B4, B5, B6, C1, C4, C5

III.6 Kế hoạch giảng dạy theo học kỳ

(Sinh viên lưu ý: 14 Tín chỉ nhóm kiến thức giáo dục quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất – Nhà trường có kế hoạch học riêng)

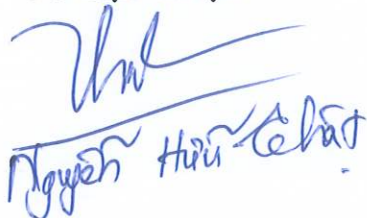
Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
I 18 TC	POL301	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2
	SOI303	Tin học cơ sở	2
	SOI304	Thực hành Tin học cơ sở	1
	MAT308	Giải tích	3
	PHY308	Vật lý đại cương	3
	PHY307	Thực hành Vật lý đại cương	1
	FLS312	Tiếng Anh A2.1	4
	SSH318	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2
II 19 TC		Học phần bắt buộc	17
	FLS313	Tiếng Anh A2.2	4
	MET319	Nhập môn kỹ thuật	2
	MEM325	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	3
	MAT311	Đại số tuyến tính	2
	MEM328	Cơ lý thuyết	3
	CHE308	Hóa học đại cương	3
		Học phần tự chọn 1	2
	POL320	Logic học đại cương	2
	SSH316	Tâm lý học đại cương	2

	SSH321	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
III 18 TC		Học phần bắt buộc	14
	POL318	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3
	MEM332	Sức bền vật liệu	3
	MEM329	Vật liệu kỹ thuật	2
		Thí nghiệm vật liệu kỹ thuật	1
	MET328	Nguyên lý máy	3
	MEM327	Vẽ kỹ thuật cơ khí	2
		Học phần tự chọn 2	4
		Kỹ năng soạn thảo văn bản	2
	SSH325	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2
	SSH317	Nhập môn hành chính nhà nước	2
	SSH319	Lịch sử văn minh thế giới	2
	IV 23 TC		Học phần bắt buộc
MET379		Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2
		Thực hành Kỹ thuật đo	1
		Cơ sở thiết kế máy	3
REE346		Kỹ thuật nhiệt	3
MAT322		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
		Kỹ thuật an toàn	2
INE324		Kỹ thuật điện	2
		Thực tập cơ khí	3
		Học phần tự chọn 3	4
EPM320		Con người và môi trường	2
		Đại số và giải tích nâng cao	2
ENE334		Biến đổi khí hậu	2
V 22 TC		Học phần bắt buộc	17
	SSH313	Pháp luật đại cương	2
		Máy công nghiệp	2
		Đồ án Cơ sở thiết kế máy	1
		Công nghệ CAD/CAE	4
	ELA339	Điện tử công nghiệp	2
	MET343	Chế tạo phôi	3
		Thiết bị nuôi trồng và khai thác thủy sản	3

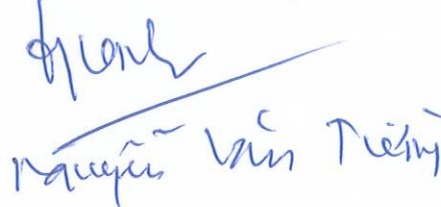
		Học phần tự chọn 4	3
	REE337	Kỹ thuật lạnh cơ sở	3
	MET369	Thiết kế tối ưu trong cơ khí	3
	MEC361	Tự động hóa hệ thống thủy khí	3
		Thiết bị bảo quản và chế biến thủy sản	3
		Học phần tự chọn 5	2
	MET353	Động lực học máy và kết cấu cơ khí	2
	MAE501	Kỹ thuật tribology	2
	MEC364	Hệ thống cơ điện tử	2
		Quản lý bảo trì công nghiệp	2
		Thiết kế đảm bảo chế tạo	2
VI 18 TC		Học phần bắt buộc	13
	POL333	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
	MET514	Kỹ thuật bảo trì thiết bị cơ khí	2
	MET323	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	4
	POL333	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
		Kỹ thuật giám sát và chẩn đoán trình trạng	2
		Học phần tự chọn 6	1
		Đồ án máy công nghiệp	1
		Đồ án Thiết bị nuôi trồng và khai thác thủy sản	1
		Học phần tự chọn 7	2
		Tiếng Anh chuyên ngành cơ khí	2
	DAA350	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
	BUA343	Quản trị sản xuất	2
		Học phần tự chọn 8	2
	MAE345	Máy nâng chuyển	2
		Đảm bảo chất lượng	2
		Nghiên cứu phát triển sản phẩm	2
VII 16 TC		Học phần bắt buộc	12
		Máy CNC và rô bốt	2
		Thực hành CNC	1
	MAE334	Kỹ thuật thủy khí	3
	ECS323	Kinh tế học đại cương	2
		Thực tập ngành (6 tuần)	3
		Đồ án Công nghệ chế tạo máy	1

		Học phần tự chọn 9	4
		Tự động hóa quá trình sản xuất	2
		Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa	2
		Lò hơi và hệ thống cấp nhiệt	2
	BUA319	Nhập môn quản trị học	2
VIII 10 TC		Đồ án tốt nghiệp	10
		Chuyên đề tốt nghiệp 1	5
		Chuyên đề tốt nghiệp 2	5

TỔ CẬP NHẬP


Nguyễn Hữu Tài

TRƯỞNG KHOA/VIỆN


Nguyễn Văn Tiến

PHÒNG ĐÀO TẠO


Tô Văn Phương

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Quách Hoài Nam

